

Số: 3867 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Hạ tầng khu tái định cư tại thị trấn Long Thành (giai đoạn 1), quy mô 26,87 ha” tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Ban Quản lý dự án huyện Long Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 55/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai;

Xét Văn bản số 10725/STNMT-MT ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Hạ tầng khu tái định cư tại thị trấn Long Thành (giai đoạn 1), quy mô 26,87 ha” tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Ban Quản lý dự án huyện Long Thành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 692/TTr-STNMT ngày 11 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Hạ tầng khu tái định cư tại thị trấn Long Thành (giai đoạn 1), quy mô

26,87 ha” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án huyện Long Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý Dự án huyện Long Thành;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- UBND thị trấn Long Thành;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;

Lưu: VT, KTNS, KTN.

QĐĐT.M.HatangkhuataidinhheuthitranLT-BQLDAhuyenLT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Phi



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

“Hạ tầng khu tái định cư tại thị trấn Long Thành (giai đoạn 1), quy mô 26,87 ha” tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Ban Quản lý dự án huyện Long Thành

(Kèm theo Quyết định số 3867 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Hạ tầng khu tái định cư tại thị trấn Long Thành (giai đoạn 1), quy mô 26,87 ha.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án huyện Long Thành.
- Địa chỉ liên hệ: Ấp 3, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Phạm vi, quy mô Dự án

1.2.1. Phạm vi

- Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư (giai đoạn 1) tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai trên tổng diện tích sử dụng đất khoảng 268.758,5 m² (theo các văn bản: Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Long Thành về chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng khu tái định cư tại thị trấn Long Thành (giai đoạn 1); Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Long Thành về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng khu tái định cư tại thị trấn Long Thành (giai đoạn 1); Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (lần 2); Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thông qua danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng có diện tích đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai.

- Tọa độ khép góc của Dự án như sau:

STT	Hệ toạ độ VN-2000 (kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3^0)	
	X (m)	Y (m)
1	1192203.132	410529.175
2	1192203.132	410918.434
3	1191998.132	410918.434
4	1191998.132	411088.906
5	1191978.132	411088.881
6	1191978.132	410918.434
7	1191533.353	410918.434
8	1191533.353	411279.433
9	1191494.353	411279.433
10	1191494.353	410945.434
11	1191483.975	410930.565
12	1191486.997	410918.434
13	1191490.417	410903.862
14	1191497.468	410868.885
15	1191496.255	410868.377
16	1191499.324	410849.909
17	1191501.279	410840.221
18	1191540.137	410850.262
19	1191545.561	410829.815
20	1191549.099	410815.092
21	1191554.686	410796.082
22	1191572.832	410801.545
23	1191581.716	410743.579
24	1191636.981	410485.345
25	1191710.513	410506.452
26	1191733.111	410513.131
27	1191751.861	410519.481
28	1191810.463	410526.874

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: Các hoạt động đền bù, hỗ trợ, tái định cư; khai thác và vận chuyển vật liệu san lấp, vật liệu xây dựng, kè bờ sông Đồng Môn.

1.2.2. Quy mô

- Quy mô sử dụng đất: khoảng 26,87 ha.

- Quy mô dân số: Tổng số lô tái định cư trong giai đoạn 1 đầu tư khoảng 893 lô; dân số dự kiến khoảng 3.572 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Hoạt động san nền (bám theo địa hình tự nhiên và cao độ khống chế tại các tuyến đường xung quanh, bảo đảm phù hợp với cao độ hiện trạng khu vực xung quanh, đường giao thông khu vực và quy hoạch chung của thị trấn Long Thành) trên tổng diện tích khoảng 26,87 ha, cao độ san nền lớn nhất: +4,1m phía Tây Bắc, cao độ nhỏ nhất: +2,70m ở phía Đông Nam.

- Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên tổng diện tích khoảng 26,87 ha, bao gồm:

- + Hệ thống đường giao thông nội bộ trên tổng diện tích khoảng 113.343,2 m²;
- + Hệ thống cây xanh và thể dục thể thao trên tổng diện tích khoảng 32.448,8 m²;
- + Hạ tầng kỹ thuật diện tích khoảng 1.089,0 m².

- Bố trí quỹ đất ở liên kế đáp ứng 893 lô đất liền kề.

- Bố trí đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng bao gồm: Trường mẫu giáo (MN), đất thương mại (TM1 và TM2), bãi xe (BX1 và BX2).

- Bố trí đất xây dựng hành lang điện (cây xanh cách ly).

- Xây dựng hệ thống cấp điện và chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống cấp nước; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, xử lý nước thải; công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

1.3.2. Các hoạt động của Dự án đầu tư

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng: Hoạt động lắp đặt công trường, thi công các hạng mục của Dự án, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của công trường, lán trại, hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường, hoạt động hoàn trả mặt bằng tại các vị trí bố trí công trường, lán trại thi công.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sinh hoạt của người dân sinh sống tại Dự án; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, xả nước thải ra môi trường; nạo vét hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải trong phạm vi Dự án; thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của các công trình nhà ở, công cộng, dịch vụ, thương mại trong phạm vi Dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ trở lên với diện tích khoảng 18,2 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1 Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

- Việc chiếm dụng đất trồng lúa ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, sinh kế của các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, bóc lớp đất hữu cơ bề mặt; san nền, thi công các hạng mục công trình; vận chuyển nguyên vật liệu, đất hữu cơ, phế thải và hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ, ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước chung trong khu vực Dự án; có nguy cơ gây ngập úng cục bộ, cháy nổ.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của người dân tại Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động thoát nước mưa chảy tràn, xả nước thải sau xử lý ra sông Đồng Môn (hay còn gọi là sông Bến Năng) tiềm ẩn tác động tiêu cực đến chất lượng nước mặt của nguồn tiếp nhận.

- Hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông ra vào Dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi và khí thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng khoảng 22 m³/ngày, gồm:

- Hoạt động của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 6,0 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: TSS, Amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.

- Hoạt động của hệ thống cầu xịt rửa xe áp lực cao dùng để vệ sinh bánh xe của các phương tiện giao thông tham gia hoạt động vận chuyển ra vào công trường; vệ sinh máy trộn vữa, máy trộn bê tông với lưu lượng khoảng 16 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: pH, chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ khoáng.

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động sinh hoạt của người dân sinh sống tại Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 771,60 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm: BOD₅, chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua, Amoni (tính theo N), Nitrat, Photphat (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

Hoạt động chặt hạ cây gỗ; phá dỡ nền móng, vách tường, bề tự hoại của các công trình nhà ở hiện hữu; thi công san nền (vét hữu cơ trên đất chuyên trồng lúa

(LUC) và đào nền, đào hố móng, đào mương rãnh); hoạt động của phương tiện giao thông tham gia vận chuyển đất vét hữu cơ trên đất chuyên trồng lúa (LUC), đất san lấp, cây gỗ và sinh khối từ quá trình chặt hạ cây tràm và cây xoài; vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng, vận chuyển phế thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng; vận hành của các loại máy móc, thiết bị thi công xây dựng các loại; vệ sinh mặt đường và trải thảm bê tông nhựa, nhựa dính bám; sơn kẻ đường giao thông nội bộ; gia công cơ khí; thi công xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Dự án làm phát sinh bụi và khí thải. Thành phần ô nhiễm: bụi tổng (TPS), khí SO_2 , CO_2 , NO_2 , hơi hydrocacbon, CO, khói hàn,...

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông ra vào Dự án; hoạt động đun nấu thức ăn của người dân sinh sống tại dự án làm phát sinh bụi, khí thải. Thành phần ô nhiễm: bụi tổng (TPS), khí SO_2 , NO_2 , CO, CO_2 , VOCs.

- Hoạt động phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ tại Trạm xử lý nước thải tập trung, tại các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt hoặc khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt của Dự án làm phát sinh mùi hôi. Thành phần ô nhiễm: H_2S , CH_4S , CO_2 , CH_4 ,...

- Hoạt động chăm sóc cây xanh, thảm cỏ trong phạm vi Dự án bằng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) làm phát sinh hơi dung môi, hóa chất. Thành phần ô nhiễm: Carbaryl, Carbanolate, Prupoxur, Dimethan, Dimetilan, Isolan, Carbofuran, Pyrolan, Aminocarb, Aldicarb; Vernolate, Pebulate, Diallate, Monilate, Butylate, Cycloate, Trillate, Thiourea; Methan, Thiram, Ferban, Amoban, Naban, Zineb, Maneb, Ziram Polyran, Dithane M-45; Permethrin, Cypermethrin và Deltamethrin,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

Hoạt động của công nhân trong quá trình chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng lớn nhất khoảng 45 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo,...

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động sinh hoạt của các hộ dân sinh sống tại Dự án phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng lớn nhất khoảng 4.286 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: các loại rau, quả, thức ăn thừa, bao bì giấy, bao bì nilon,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

- Hoạt động chặt hạ cây tràm, cây xoài,.. phát sinh khối lượng sinh khối thực vật khoảng 83,7 tấn. Thành phần chủ yếu: Chất thải thực bì, cây cỏ, cành lá, gỗ.

- Hoạt động phá dỡ các công trình bề tự hoại hiện hữu phát sinh phế thải với khối lượng khoảng 55 tấn bùn cặn thải và 6,9 tấn gạch, bê tông vụn thải.

- Hoạt động phá dỡ phần nền móng và tường bao còn lại của công trình sau khi người dân đã tháo dỡ, di dời tài sản với khối lượng phế thải gạch vỡ, bê tông vụn phát sinh khoảng 2.921 tấn.

- Hoạt động vét hữu cơ trên đất chuyên trồng lúa với khối lượng khoảng 50.960 tấn. Thành phần chủ yếu: đất mặt giàu hữu cơ.

- Hoạt động đào hố móng, nền đường, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống hạ tầng kỹ thuật làm phát sinh đất đào khoảng 48.831 tấn. Thành phần chủ yếu: Đất đào đắp.

- Hoạt động thi công xây dựng phát sinh chất thải rắn xây dựng khoảng 2.678 tấn trong suốt thời gian thi công. Thành phần chủ yếu: Bê tông thừa, gạch vỡ, gỗ vụn, mẫu vụn kim loại, bao bì giấy và nilon,...

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động vệ sinh, chăm sóc cây xanh, bảo trì đường phố trong phạm vi Dự án phát sinh chất thải rắn thông thường với khối lượng khoảng 564 tấn/năm. Thành phần chủ yếu: bao bì nhựa, bao bì nilon, chất thải thực bì, cây cỏ, cành lá, gỗ,...

- Hoạt động của công trình bể tự hoại tại các hộ dân cư sinh sống trong phạm vi Dự án phát sinh bùn thải với khối lượng khoảng 200 tấn/năm. Thành phần chủ yếu: chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học nhưng cũng có thể lẫn các vi sinh vật gây bệnh.

- Hoạt động của công trình bể tách dầu thuộc Trạm xử lý nước thải tập trung tại Dự án phát sinh cặn, vẩn dầu mỡ thải với khối lượng khoảng 5,5 tấn/năm. Thành phần chủ yếu: Dầu mỡ động thực vật.

- Hoạt động vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung xử lý nước thải sinh hoạt tại Dự án phát sinh bùn thải với khối lượng khoảng 34 tấn/năm. Thành phần chủ yếu: Bùn sinh học, hỗn hợp chứa nhiều thành phần hữu cơ có lẫn ít thành phần vô cơ.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

Hoạt động thi công chuẩn bị mặt bằng và xây dựng tại công trường Dự án làm phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng lớn nhất khoảng 505 kg trong suốt quá trình thi công (trong đó giai đoạn chuẩn bị mặt bằng là 95 kg; giai đoạn thi công xây dựng là 410 kg). Thành phần chủ yếu: Giẻ lau động cơ nhiễm dầu, dầu nhớt thải của máy móc, phương tiện thi công, cặn sơn thừa, bao bì thùng chứa sơn, que hàn thải,...

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động sinh hoạt của các hộ dân sinh sống trong phạm vi Dự án, hoạt động vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung xử lý nước thải sinh hoạt tại Dự án, hoạt động chăm sóc cây xanh, thăm cỏ bằng phân bón và thuốc BVTV làm phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 1.740,8 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Linh kiện điện tử thải từ các thiết bị điện tử được người dân sử dụng; bóng đèn huỳnh quang thải; thuốc, bao bì thuốc diệt côn trùng các loại; ắc quy,

pin, nhiệt kế thải; giẻ lau dính dầu nhớt, dầu nhớt máy móc thải; bao bì chứa phân bón, thuốc BVTV thải;...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

- Hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công san nền (vết hữu cơ trên đất chuyên trồng lúa và đào nền, đào hố móng, đào mương rãnh); chuẩn bị mặt bằng (máy đào, máy xúc, máy lu, máy đầm,...); thi công xây dựng (máy khoan, máy trộn bê tông, máy trộn vữa, máy đầm, máy hàn,...); phương tiện giao thông tham gia vận chuyển đất vết hữu cơ trên đất chuyên trồng lúa, đất san lấp, cây gỗ và sinh khối từ quá trình chặt hạ cây tràm và cây xoài; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và phế thải xây dựng làm phát sinh tiếng ồn, rung chấn.

- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung trong quá trình triển khai Dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông ra vào Dự án, hoạt động của các hộ dân sinh sống trong phạm vi Dự án, hoạt động vận hành máy móc, thiết bị của Trạm xử lý nước thải tập trung xử lý nước thải sinh hoạt tại Dự án làm phát sinh tiếng ồn, rung chấn.

- Quy chuẩn so sánh: Áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung trong quá trình vận hành.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

- Nước mưa chảy tràn với lưu lượng ước tính khoảng 1.609 lít/s. Thành phần ô nhiễm: chất rắn lơ lửng (TSS), độ đục,...

- Có tổng số 239 thửa đất bị ảnh hưởng bởi công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng của Dự án. Trong đó có khoảng 90 công trình nhà ở, nhà tạm, nhà kho, chuồng trại phải tháo dỡ, di dời. Tổng số trường hợp phải di dời, bố trí tái định cư là 22 trường hợp.

- Về các tài sản khác trên đất, Dự án làm ảnh hưởng đến 0,75 ha ao hồ; 0,88 ha đất trồng cây tràm > 5 năm tuổi; 0,31 đất trồng cây xoài > 6 năm tuổi; 18,2ha đất chuyên trồng lúa (trong đó có 11,02 ha đất chuyên trồng lúa đang canh tác); 09 ngôi mộ xây độc lập, 19 trụ điện hạ thế,... Tác động đến sinh kế của các hộ dân bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp.

- Dự án có nguy cơ gây ngập úng cục bộ, tác động đến hệ sinh thái, tác động đến cơ sở hạ tầng giao thông hiện hữu, chất lượng nước mặt sông Đồng Môn và các đối tượng sử dụng nguồn nước sông xung quanh.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn với lưu lượng ước tính khoảng $0,6 \text{ m}^3/\text{s}$. Thành phần ô nhiễm: chất rắn lơ lửng (TSS), độ đục,...

- Việc hình thành khu tái định cư và vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung xả nước thải sau xử lý ra sông Đồng Môn tiềm ẩn các rủi ro, ảnh hưởng đến khả năng thoát nước cục bộ, gây ngập úng tại khu vực xung quanh Dự án; ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của các hộ dân xung quanh.

- Trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất thiết kế $1.700 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được lắp đặt hoàn thiện thiết bị xử lý và vận hành với công suất xử lý Giai đoạn I là $850 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, trong trường hợp xảy ra sự cố, nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn gây tác động xấu đến chất lượng nước mặt của nguồn tiếp nhận nước thải.

- Hệ thống thu gom, xử lý mùi hôi được lắp đặt cho Trạm xử lý nước thải tập trung nếu không được vận hành ổn định thì sẽ làm phát tán mùi hôi trong môi trường không khí tại khu dân cư gây ra tác động xấu đến sức khỏe người dân.

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải bị tắc nghẽn, gây ngập úng cục bộ trong khu vực Dự án.

- Trong quá trình vận hành, Dự án thường xuyên có nhiều phương tiện tham gia giao thông ra vào nên tiềm ẩn nguy cơ, rủi ro về tai nạn giao thông.

- Các sự cố cháy nổ ngoài ý muốn do sử dụng nhiên liệu đun nấu là khí gas; hoặc do bất cẩn, sơ ý khi thi công sửa chữa, bảo trì hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng,... khi xảy ra các sự cố này có thể làm ô nhiễm chất lượng môi trường đất, nước, không khí khu vực Dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí 03 nhà vệ sinh di động tại khu lán trại trong công trường thi công (dung tích bồn chứa chất thải khoảng $15 \text{ m}^3/\text{nhà vệ sinh}$).

- Đối với nước thải xây dựng: Bố trí 02 hệ thống cầu xịt rửa xe áp lực cao tại công trường thi công có trang bị kèm theo ngăn lắng nước thải bên dưới cầu rửa xe để lắng nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe phương tiện vận chuyển, vệ sinh dụng cụ thi công (kích thước ngăn lắng khoảng $5.340 \times 2.220 \times 1.000 \text{ mm}$). Trang bị kèm theo thiết bị lược rác cơ khí hoạt động theo cơ chế điều khiển tự động để thu gom, tách cặn chất thải rắn như đất, cát, đá vụn,... Nước thải sau khi tách cặn chất rắn được tái sử dụng lại cho hoạt động của hệ thống cầu xịt rửa xe áp lực cao để xịt rửa bánh xe của phương tiện vận chuyển ra vào công trường.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Thi công hệ thống rãnh thu gom nước mưa hình thang kích thước (miệng rãnh x đáy x sâu) $0,8 \times 0,4 \times 0,4 \text{ m}$ và hệ thống hố lắng kích thước (dài x rộng x cao) $1,0 \times 1,0 \times 1,0 \text{ m}$ /hố với khoảng cách khoảng 100 m /hố lắng xung quanh công trường thi công để thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn.

b) Giai đoạn vận hành

- Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải tách biệt với mạng lưới thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại từng lô đất quy hoạch được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (hoặc bể tách dầu mỡ) tại chỗ sau đó được thu gom vào các hố ga thu gom nước thải kết hợp với tuyến cống tròn BTCT có khẩu độ từ D300, D400 và D600 chạy dọc theo các tuyến đường nội bộ dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Đầu tư xây dựng 01 Trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 1.700 m³/ngày đặt ngầm trong khu đất hạ tầng kỹ thuật của Dự án có diện tích 1.089 m². Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số K = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được xả ra hố ga thoát nước thải cuối cùng của Dự án tại tọa độ: X = 1191 501.80 (m); Y = 411 280.20 (m) (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°) trước khi theo tuyến cống thoát nước 03m × 03m (cống B3000) có chiều dài 160 mét xả ra sông Đồng Môn bằng cửa xả tại tọa độ X = 1191 501.90 (m); Y = 411 435.88 (m) (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°). Trạm xử lý nước thải tập trung được phân kỳ đầu tư gồm 02 giai đoạn (với 02 module xử lý nước thải):

+ Giai đoạn 01 (module số 01): Xây dựng hoàn thiện các hạng mục bể xử lý nước thải tương ứng công suất xử lý đạt 1.700 m³/ngày.đêm theo thiết kế; lắp đặt hoàn thiện máy móc, thiết bị xử lý nước thải cho các hạng mục xử lý nước thải gồm: hố thu, bể tách dầu mỡ, bể điều hòa, bể sinh học thiếu khí A, bể sinh học hiếu khí A, bể lắng A, bể khử trùng với công suất vận hành xử lý đạt 850 m³/ngày.đêm; Xây dựng 01 hồ sự cố có thể tích chứa nước hữu ích khoảng 1.700 m³, tương ứng thời gian lưu chứa nước sự cố là 24 giờ theo quy định tại Khoản 3, Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thời gian thực hiện: Quý I/2025 đến Quý IV/2025;

+ Giai đoạn 02 (module số 02): Lắp đặt hoàn thiện máy móc, thiết bị xử lý nước thải cho các hạng mục xử lý nước thải còn lại đã được xây dựng trong Giai đoạn 01 gồm: bể sinh học thiếu khí B, bể sinh học hiếu khí B, bể lắng B; Vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung đạt công suất thiết kế 1.700 m³/ngày.đêm; Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thời gian thực hiện: sau khi Dự án Hạ tầng khu tái định cư tại thị trấn Long Thành (giai đoạn 2) được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và hoàn tất các thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng, thủ tục xây dựng và các thủ tục khác theo quy định.

- Quy trình công nghệ của Trạm xử lý nước thải tập trung như sau: nước thải → bể thu gom → bể tách dầu mỡ → bể điều hòa → bể sinh học thiếu khí A/B → bể sinh học hiếu khí A/B → bể lắng A/B → bể khử trùng → hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số K = 1,0)) → sông Đồng Môn (hay còn gọi là sông Bến Năng).

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng: thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trường và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi tái sử dụng cho hoạt động trên công trường và đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nước thải xây dựng sau khi lắng cặn được tái sử dụng, không xả ra ngoài môi trường; thường xuyên nạo vét hệ thống rãnh và hố ga thoát nước mưa, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng chất thải rắn xây dựng tại công trường.

- Trong giai đoạn vận hành: Xây dựng mạng lưới thu gom nước thải và Trạm xử lý nước thải tập trung trước khi đưa Dự án đi vào vận hành, đảm bảo toàn bộ các nguồn phát sinh nước thải trong quá trình hoạt động của Dự án được thu gom và xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số K = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường. Không được phép xả thải ra môi trường trong trường hợp Trạm xử lý nước thải tập trung xảy ra sự cố hoặc nước thải chưa đạt quy chuẩn nêu trên. Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

- Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm đảm bảo các điều kiện về an toàn kỹ thuật và vệ sinh môi trường.

- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất hữu cơ, phế thải; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định.

- Phun nước tưới ẩm vật liệu thi công, đất hữu cơ, đất san nền trước khi vận chuyển.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; phun nước tưới ẩm thường xuyên vào những ngày không mưa với tần suất tối thiểu 03 lần/ngày (sáng - trưa - chiều) hoặc theo kiến nghị thực tế của các hộ dân chịu tác động; lắp đặt hệ thống cầu xịt rửa xe áp lực cao để rửa bánh xe của các phương tiện vận chuyển ra vào công trường thi công, đảm bảo tất cả các xe được rửa sạch bùn đất bám ở lốp trước khi ra khỏi công trường; sử dụng máy hút bụi trực tiếp để hút bụi, vệ sinh mặt đường trước khi thảm nhựa tại các vị trí thi công gần khu dân cư; lắp dựng hàng rào tôn xung quanh vị trí thi công gần các khu dân cư.

b) Giai đoạn vận hành

- Trồng và chăm sóc cây xanh dọc các tuyến đường giao thông nội bộ và theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kẻ vạch phân luồng giao thông; cấm biển báo hạn chế tốc độ khi ra vào khu dân cư.

- Thu gom, xử lý triệt để lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày để giảm thiểu khả năng ô nhiễm từ quá trình phân huỷ hữu cơ.

- Khuyến khích người dân duy trì sử dụng nhiên liệu đốt là khí gas trong hoạt động đun nấu.

- Có kế hoạch phun xịt phù hợp, sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) và phân bón không thuộc Danh mục thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 02/12/2022; tuân thủ hướng dẫn sử dụng, liều lượng, tần suất sử dụng của nhà sản xuất.

- Thiết kế, xây dựng ngầm hóa toàn bộ các hạng mục bể xử lý của Trạm xử lý nước thải tập trung; quy hoạch vị trí xây dựng Trạm xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý mùi hôi phát sinh tại các hạng mục bể thu gom, bể điều hòa, bể nén bùn bằng đường ống thu gom và quạt hút công suất 500 m³/giờ, sử dụng phương pháp hấp thụ với dung dịch hấp thụ là nước. Quy trình công nghệ xử lý như sau: mùi hôi → hệ thống đường ống thu gom → tháp xử lý mùi (hấp thụ bằng dung dịch hấp thụ là nước sạch, sử dụng tuần hoàn, định kỳ thay dung dịch hấp thụ với tần suất 1 lần/tuần, dung dịch hấp thụ thải bỏ được xử lý tại Trạm xử lý nước thải) → quạt hút → ống thoát khí; thời gian thực hiện: lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý mùi hôi đồng bộ với đầu tư Giai đoạn 01 (module số 01) của Trạm xử lý nước thải tập trung tại Dự án.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng và vận hành; lắp đặt, vận hành hệ thống thu gom, xử lý mùi hôi và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động từ bụi, khí thải khác đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT và đảm bảo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Trồng cây xanh với mật độ đảm bảo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng xung quanh các công trình có phát sinh mùi hôi và những vị trí thích hợp để tạo cảnh quan và hạn chế mùi hôi, bụi, khí thải, tiếng ồn tác động xấu đến môi trường xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại tại nguồn, bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt chuyên dụng tại công trường thi công để thu gom chất thải rắn sinh hoạt; bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định tại Khoản 1, Điều 26 Thông tư số 02/2022/BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với cây gỗ, sinh khối thực vật từ quá trình chặt hạ cây xoài, trà, ... thân cây gỗ được thu gom, vận chuyển ra khỏi Dự án mỗi ngày để sử dụng cho

mục đích sản xuất giấy, xây dựng và củi đốt tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện; sinh khối thực vật (như cành, nhánh cây nhỏ) được thu gom, vận chuyển ra khỏi Dự án mỗi ngày để sử dụng làm nguyên liệu sản xuất ra nhiên liệu đốt ở dạng viên nén (viên nén biomass) tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện.

- Đối với gạch vỡ, bê tông vụn thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ phần nền móng và tường bao còn lại của công trình sau khi người dân đã tháo dỡ, di dời tài sản và từ quá trình phá dỡ bề tự hoại hiện hữu: được tận dụng để san lấp tại các khu vực trũng thấp (ao, ruộng, đồng ruộng trũng,...) trong phạm vi Dự án, không vận chuyển ra bên ngoài.

- Đối với bùn cặn thải từ quá trình phá dỡ bề tự hoại hiện hữu của các hộ dân thuộc diện di dời: bùn cặn thải do Đơn vị thi công chịu trách nhiệm thuê các đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn trong bể và mang đi xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải hiện hành trước khi tiến hành phá dỡ.

- Đối với đất vét hữu cơ trên đất chuyên trồng lúa: thu gom, tập kết tại 01 bãi tập kết tạm đất vét hữu cơ trong phạm vi Dự án có diện tích khoảng 20.467,5 m² (bãi tập kết được bố trí trên khu đất quy hoạch đất cây xanh của Dự án, nằm ở phía Đông của khu đất Dự án và giáp nút giao kết nối tuyến đường Nguyễn Văn Cừ hiện hữu); sử dụng đất vét hữu cơ để phục vụ sản xuất nông nghiệp theo Văn bản số 4086/SNN-TTBVTV&TL ngày 26/8/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai; các hoạt động vận chuyển đất vét hữu cơ ra khỏi phạm vi Dự án đảm bảo tuân thủ theo các quy định, trình tự thủ tục của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn có liên quan khác.

- Đối với đất đào dôi dư: Phương án xử lý là sử dụng làm vật liệu san nền trong phạm vi Dự án.

- Đối với các loại chất thải rắn khác: Thực hiện thu gom, phân loại và lưu chứa tại kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích khoảng 30 m², hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường với Đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: mỗi hộ gia đình bố trí ít nhất 02 thùng/thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt; mỗi điểm trong khu vực công cộng bố trí ít nhất 03 thùng/thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt; Chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại tại nguồn được phương tiện vận chuyển chuyên dụng thu gom về khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt chung của huyện Long Thành để xử lý; Việc bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt sẽ thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 1, Điều 26 Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với chất thải rắn thông thường:

- + Bùn từ bể tự hoại: Các hộ gia đình có trách nhiệm thuê các đơn vị có chức năng đến hút bể bùn tại bể tự hoại của mỗi hộ với tần suất định kỳ từ 06 tháng đến 01 năm/lần.

- + Chất thải rắn từ đường phố, công viên cây xanh: Được công nhân vệ sinh quét dọn và bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

+ Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung: Bùn loãng chứa trong bể chứa bùn có thể tích lưu chứa khoảng 70,83 m³; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút lên xe bồn và vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định.

+ Dầu mỡ động thực vật tại bể tách dầu của Trạm xử lý nước thải tập trung: ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định.

+ Việc lưu giữ chất thải rắn thông thường được thực hiện tuân thủ theo các quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ phế thải xây dựng các loại trước khi thực hiện thi công và chỉ được phép đổ thải vào các vị trí thỏa thuận khi được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với bãi tập kết đất vét hữu cơ tạm thời trong phạm vi Dự án: Vị trí bãi tập kết tạm không giáp với hệ thống thoát nước chung của khu vực; đất canh tác nông nghiệp của người dân địa phương; cách khu dân cư tập trung tối thiểu 50 - 100 mét và phải có lấp đặt hàng rào tôn có độ cao tối thiểu 2,5 mét; Thiết kế hệ thống đê bao sử dụng túi địa kỹ thuật với kích thước đáy dưới khoảng 1,5m, đáy trên khoảng 1,0m, chiều cao khoảng 1,2 - 1,5m dọc theo chu vi của bãi tập kết; bên ngoài chân đê đào một rãnh thoát nước hình thang có độ rộng từ 0,5 mét và sâu từ 0,3 - 0,5m và các hố lắng bùn cát với khoảng cách 50 mét/hố; bố trí máng chắn bùn tại các cửa xả thoát nước mặt của bãi tập kết vào hệ thống thoát nước mặt chung của công trường; Có phương án tập kết đất vét hữu cơ: hình thức tập kết theo chu vi bãi chứa; trình tự đổ từ dưới lên và từ trong ra ngoài; chiều cao bãi tập kết không vượt quá 3,0 mét, cá biệt tại khu vực bãi tập kết giáp với khu dân cư thì chiều cao sau khi tập kết đất không vượt quá 2,5 mét; Thiết lập quy định quản lý hoạt động tại bãi tập kết tạm: bố trí người phụ trách giám sát, ghi nhận số liệu phương tiện và khối lượng vận chuyển vào, ra mỗi ngày; phun nước làm ẩm đất hữu cơ trước khi bốc dỡ, vận chuyển ra khỏi phạm vi Dự án; kiểm tra thường xuyên hệ thống đê bao, rãnh thoát nước và gia cố, nạo vét bùn cát lắng định kỳ để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

- Tại công trường thi công bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 15 m², các thiết bị chuyên dụng bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo, dán nhãn, phân loại và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại tại khu vực Nhà điều hành của Trạm xử lý nước thải tập trung có diện tích 10 m². Kho lưu chứa chất thải nguy hại được thiết kế tuân thủ các quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Đối với các công trình thứ cấp khác được quy hoạch trong Dự án như công trình dịch vụ, thương mại, trường mầm non tự bố trí khu vực lưu trữ riêng biệt đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định. Đơn vị quản lý vận hành các công trình thứ cấp có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, giám sát, quản lý bảo đảm xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

- Sử dụng các thiết bị được đăng kiểm trong quá trình thi công, xây dựng; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện giao thông, phương tiện thi công đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định; ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung thấp.

- Không thi công vào các khoảng thời gian nghỉ (buổi trưa từ 12h - 13h, buổi tối từ 22h đến 6h sáng hôm sau) của người dân trong khu vực để hạn chế tác động tiếng ồn đến khu dân cư; hạn chế vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ; định kỳ bảo dưỡng và bố trí thời gian hoạt động phù hợp của các thiết bị, phương tiện thi công.

- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn có độ ồn cao.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

Trồng cây xanh dọc vỉa hè hai bên tuyến đường giao thông nội bộ, dải phân cách và các khu vực quy hoạch cây xanh cảnh quan nhằm tạo cảnh quan sinh thái, hạn chế sự lan truyền tiếng ồn từ các phương tiện giao thông.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4.4. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố và công trình bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

- Có phương án đền bù, hỗ trợ, tái định cư phù hợp và được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các văn bản quy định hiện hành khác của tỉnh Đồng Nai. Thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đã đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; chỉ triển khai thi công xây dựng Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý bãi thải phù hợp nhằm phòng chống cuốn trôi, sạt lở đất, đá; bảo đảm việc đổ thải, phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường; thực hiện giám sát an toàn bãi thải trong quá trình thi công. Sau khi hoàn thành đổ thải, thực hiện san gạt tạo mặt bằng, chống sạt lở, phục hồi môi trường theo quy định.

- Thi công đúng phạm vi ranh giới Dự án, đúng trình tự, biện pháp thi công đã được phê duyệt.

- Xây dựng nội quy công trường; thiết lập các quy định về an toàn lao động và giám sát việc thực hiện trong suốt quá trình thi công; lắp đặt rào tôn cách ly, các biển báo công trường đang thi công; lắp đặt cọc tiêu và đèn báo đảm bảo tiêu chuẩn; phối hợp với các bên liên quan tổ chức tuyên truyền, tập huấn về an toàn lao động cho công nhân trên công trường.

- Các phương tiện thi công tuân thủ nghiêm Luật Giao thông đường bộ. Bố trí nhân lực hướng dẫn, phân luồng để đảm bảo giao thông trong khu vực được thông suốt trong thời gian thi công.

- Bố trí kế hoạch thi công phù hợp, tránh thi công vào những ngày mưa bão, lũ; kiểm tra, che chắn, chằng buộc, di dời về nơi an toàn các hạng mục công trình, máy móc thi công có thể bị hư hại do điều kiện thời tiết bất lợi.

- Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân viên của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng theo quy định.

- Có biện pháp tổ chức thi công phù hợp; xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn trước khi thi công và thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc hệ thống tiêu thoát nước xung quanh công trường thi công, đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng trong quá trình thực hiện Dự án.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật.

4.4.2. Giai đoạn vận hành

a) Đối với sự cố Trạm xử lý nước thải tập trung

- Xây dựng, hoàn thiện Trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án theo thiết kế; vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung liên tục, ổn định.

- Bố trí 01 hồ sự cố dùng để phòng ngừa, ứng phó khi Trạm xử lý nước thải tập trung xảy ra sự cố đột ngột, hồ sự cố có dung tích 1.700 m³ đủ khả năng lưu chứa nước thải sự cố liên tục trong 01 ngày.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục có camera giám sát để kịp thời phát hiện sự cố tại Trạm xử lý nước thải tập trung theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để bảo đảm các thiết bị được vận hành ổn định; có thiết bị dự phòng để thay thế.

b) Đối với sự cố hệ thống thu gom, xử lý mùi cho Trạm xử lý nước thải tập trung

- Lắp đặt hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý mùi theo thiết kế; vận hành hệ thống thu gom, xử lý mùi liên tục, ổn định.

- Bố trí các thiết bị dự phòng (quạt hút, đường ống, bơm tuần hoàn dung dịch hấp thụ) để thay thế khi cần thiết.

- Khi phát hiện có mùi hôi bất thường từ Trạm xử lý nước thải tập trung, phải tiến hành kiểm tra các chụp hút mùi, đường ống dẫn khí, quạt hút và ngăn chứa dung dịch hấp thụ để tìm nguyên nhân và khắc phục.

c) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Lập phương án phòng cháy chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền thẩm duyệt hoặc phê duyệt theo quy định và thực hiện theo phương án được thẩm duyệt, phê duyệt; lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, thiết bị phòng cháy và chữa cháy cho các công trình của Dự án theo đúng yêu cầu kỹ thuật; đảm bảo thường trực nguồn nước chữa cháy; định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị ứng phó cháy nổ, đảm bảo các thiết bị luôn ở trạng thái hoạt động tốt để công tác ứng phó sự cố cháy nổ được thực hiện an toàn; ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, công nhân viên tham gia vận hành Dự án; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

d) Phòng ngừa sự cố ngập úng

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước mặt bằng cống tròn kết cấu BTCT khẩu độ cống từ D400 - 2000 theo đúng độ dốc tính toán thiết kế; bố trí tuyến cống hộp thoát nước kết cấu BTCT kích thước 3m×3m (cống B3000), chiều dài 160 mét và 01 cửa xả nằm ở phía Đông của Dự án để thoát nước vào sông Đồng Môn (hay còn gọi là sông Bến Năng).

- Thường xuyên kiểm tra các hệ thống thoát nước, nạo vét các hố ga định kỳ nhằm đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

- Thiết kế, thi công hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với nước thải đảm bảo khả năng thoát nước và không gây ngập úng khi đưa Dự án đi vào giai đoạn vận hành.

e) Phòng ngừa tai nạn, an toàn giao thông

- Lắp đặt bảng hiệu, biển báo giảm tốc độ trong khu dân cư.
- Sơn kẻ vạch chỉ đường, làm gờ giảm tốc độ trong khu dân cư.
- Phối hợp với chính quyền địa phương lắp đặt camera an ninh tại các góc đường, tuyến đường nội bộ trong Dự án nhằm phát hiện các trường hợp vi phạm giao thông.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

5.1.1. Đối với chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại

Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.1.2. Đối với bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát:

+ KK1: Vị trí quan trắc không khí xung quanh tại khu vực phía Bắc khu đất thực hiện dự án, tọa độ: X = 1192 198.048 (m); Y = 410 665.594 (m);

+ KK2: Vị trí quan trắc không khí xung quanh tại khu vực phía Đông khu đất thực hiện dự án, tọa độ: X = 1191 843.981 (m); Y = 410 915.413 (m);

+ KK3: Vị trí quan trắc không khí xung quanh tại khu vực bãi tập kết chất thải rắn tạm thời (đất hữu cơ) trên công trường thi công dự án, tọa độ: X = 1191 864.542 (m); Y = 410 821.288 (m).

(Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Bụi (TSP), SO_2 , CO, NO_2 , ồn (L_{eq}), rung (L_{aeq}).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.3. Đối với nước thải

- Vị trí giám sát: tại 01 vị trí hồ lắng nước thải thi công xây dựng trên công trường, tọa độ X = 1191 967.538 (m); Y = 410 897.234 (m) (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ khoáng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.2. Giai đoạn vận hành ổn định

5.2.1. Chương trình giám sát định kỳ

a) Đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thực hiện phân loại các chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan.

b) Đối với nước thải

- Vị trí giám sát: nước thải sau bể khử trùng của Trạm xử lý nước thải tập trung; tọa độ: X = 1191 527.879 (m); Y = 410 889.321 (m) (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅ (20°C), TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,0 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

c) Đối với khí thải

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5.2.2. Chương trình giám sát tự động, liên tục

- Thực hiện giám sát tự động, liên tục chất lượng nước thải sau xử lý của Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.700 m³/ngày.đêm sau khi lắp đặt hoàn thiện 02 giai đoạn đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Vị trí giám sát: Nước thải sau xử lý của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,0 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Tần suất giám sát: Tự động, liên tục 24/24 và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường như sau:

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành; tuân thủ quy định tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Thực hiện quản lý, sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất trồng lúa nước theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác và khoản 2 Điều 19 Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Có phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, đảm bảo công khai minh bạch; việc thực hiện Dự án không làm thất thoát tài sản của nhà nước và không để xảy ra khiếu kiện, ảnh hưởng đến dư luận, an ninh trật tự và đời sống của nhân dân.

- Thực hiện quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công, thực hiện kịp thời công tác phục hồi hoàn trả mặt bằng tại các công trường thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi chứa tạm, bãi đổ thải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

- Thực hiện quản lý và giám sát môi trường đối với quá trình vận chuyển, đổ đất đá, vật liệu thải; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào các vị trí phù hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép bằng văn bản và tuân thủ các quy định của Luật Đất đai, Luật Khoáng sản.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về

tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn đảm bảo đáp ứng quy chuẩn môi trường liên quan và không gây tác động xấu đến môi trường; chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông đường bộ, phòng cháy chữa cháy và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện và vận hành Dự án; lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ cũng như các rủi ro, sự cố môi trường khác (nếu có) trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia vận hành Dự án; hướng dẫn người dân trong khu tái định cư tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu tái định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; giám sát quá trình vận hành hệ thống thu gom nước thải và nước mưa, Trạm xử lý nước thải, sự cố sụt lún, tiêu thoát nước, công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra theo quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định của chính quyền địa phương.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Bàn giao các công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật cho cơ quan quản lý nhà nước quản lý, vận hành theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu, nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong

trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm, sự cố môi trường trong trường hợp xảy ra sạt lở, sụt lún, ngập úng do hoạt động triển khai của Dự án; trường hợp xảy ra sạt lở, bồi lắng ảnh hưởng đến các công trình xây dựng, sinh kế người dân phải dừng ngay hoạt động thi công và phối hợp với các cơ quan có liên quan khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

HỒN